TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/ 2017/ HSST
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Viết Vĩnh.
2. Bà Dương Thị Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/ 2017/ HSST, ngày 28 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI DUY THANH Đ,** sinh năm 1985.
Nơi đăng ký HKTT: Xóm X, Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Tổ Dân phố P, Phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/ 12. Nghề nghiệp: Lái xe.
Bố là: Bùi Duy K, sinh năm 1956; Mẹ là: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Gia đình có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.
Vợ: Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990; Con: Có 01 con sinh năm 2017.
Tiền án, tiền sự: Không có.
Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

1. Anh Dương Văn H, sinh năm 1989 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại (Bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị L và ông Dương Văn B), những người Đại diện hợp pháp uỷ quyền cho ông B tham gia tố tụng:

Ông Dương Văn B, sinh năm: 1961.

Nơi thường trú: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Bùi Thị Duy L, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Số 7, Ngõ 165, đường G, Phường D, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm Tr, xã Kh, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Bùi Duy Thanh Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về hành vi phạm tội, như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/12/2016, Bùi Duy Thanh Đ sinh năm 1985,trú quán xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (có giấy phép lái xe Hạng A2, E theo quy định) một mình điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 98C-084.12 (trên xe không có hàng hóa) đi trên Quốc lộ 37 theo hướng Thái Nguyên - Bắc Giang. Khi đi đến Km 98+300 Quốc lộ 37, thuộc khu vực phố Ch, xã Kh, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì xe ô tô do Đ điều khiển đã đâm va vào phía sau xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651 do anh Dương Văn H sinh năm 1989, trú quán xóm Nghể, xã Nga My, huyện P, tỉnh Thái Nguyên điều khiển đi hướng cùng chiều, chở phía sau là anh Nguyễn Văn C sinh năm 1990, trú quán cùng xóm với anh Hòa.

Hậu quả: Anh Dương Văn H bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Gang Th, sau chuyển cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày thì tử vong; còn anh Nguyễn Văn C (là người ngồi sau) bị thương, được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện GThái Nguyên từ ngày 22/12/2016 đến ngày 13/01/2017 thì ra viện.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường nơi xảy ra va chạm giao thông là đoạn đường thẳng, phẳng, mặt đường được trải nhựa áp phan có bề rộng mặt đường là 8,0m, ở giữa có vạch sơn màu trắng dài đứt đoạn chia đường thành hai chiều đường xe chạy. Đoạn đường thuộc Km 98+300 thuộc Phố Ch, xã Kh, Phú Bình, đoạn đường hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang và ngược lại. Lấy mép đường bên phải theo hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang làm mép đường chuẩn để đo toàn bộ vị trí, dấu vết, phương tiện (đo theo hướng vuông góc vào mép đường). Lấy cột mốc Km 98+200 quốc lộ 37 làm mốc cố định để định vị cho toàn bộ hiện trường vụ va chạm (cột mốc nằm bên trái ngoài mép đường theo hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang. Vị trí số (1) trên sơ đồ hiện trường là xe mô tô BKS: 20P1-0651 nằm đổ tại phần đường bên phải theo hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang, xe nằm đổ nghiêng về phía bên phải của xe. Đầu xe quay hướng chếch ra tâm đường. Đo tâm trục bánh trước của xe vào mép đường có số đo là 2,45m. Đo tâm trục bánh sau của xe vào mép đường có số đo là 1,30m. Vị trí số (2) trên sơ đồ hiện trường là xe ô tô BKS: 98C-084.12 đang nằm tại phần đường bên phải theo hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang, đầu xe quay hướng đi Bắc Giang. Đo tâm trục bánh trước bên phải của xe ô tô vào mép đường có số đo là 0,25m. Đo tâm trục bánh sau ngoài bên phải của xe vào mép đường có số đo là 0,30m. Đo khoảng cách từ tâm trục bánh sau của xe mô tô (1) đến tâm trục bánh trước bên phải của xe ô tô (2) có số đo là 0,25m. Vị trí số (3a) trên sơ đồ hiện trường là vết cà trượt mặt đường dài đứt đoạn dài 73,30m, vết cà có chiều hướng vào đầu tay lái phía trước bên phải của xe mô tô (1). Đo điểm đầu vết cà trượt vào mép đường có số đo là 2,45m. Điểm cuối nằm tại đầu tay lái phía trước bên phải của xe mô tô (1). Vị trí số (3b) trên sơ đồ hiện trường là vết cà trượt mặt đường dài đứt đoạn dài 70,40m. Vết cà có chiều hướng vào bàn để chân phía trước bên phải của xe mô tô (1). Đo điểm đầu vết cà vào mép đường có số đo là 2,80m. Điểm cuối vết cà nằm tại bàn để chân phía trước bên phải của xe mô tô (1). Vị trí số (4) trên sơ đồ hiện trường là vết mài lốp mặt đường màu đen dài 1,10m, vết mài lốp đôi có độ rộng 0,45m. Đo điểm đầu của vết mài vào mép

đường có số đo là 0,60m. Đo điểm cuối của vết mài vào mép đường có số đo là 0,50m. Đo khoảng cách từ tâm trục bánh sau ngoài bên phải của xe (2) đến điểm cuối vết mài lốp (4) có số đo là 3,30m. Vị trí số (5a) trên sơ đồ hiện trường là vết mài mặt đường màu đen dài đứt đoạn dài 48,70m. Vết mài có chiều hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang. Đo điểm đầu vết mài vào mép đường có số đo là 1,90m. Đo điểm cuối của vết mài vào mép đường có số đo là 1,35m. Vị trí số (5b) trên sơ đồ hiện trường là vết mài mặt đường màu đen dài đứt đoạn dài 54,30m, vết mài có chiều hướng Thái Nguyên đi Bắc Giang. Đo điểm đầu vết mài vào mép đường có số đo là 3,30m. Đo điểm cuối của vết mài vào mép đường có số đo là 3,80m. Đo khoảng cách từ điểm đầu vết mài (4) đến điểm cuối vết mài (5a) có số đo là 19,0m. Vị trí số (6) trên sơ đồ hiện trường là vết mài mặt đường màu đen dài 1,70m. Đo điểm đầu vết mài vào mép đường có số đo là 2,30m. Đo điểm cuối của vết mài vào mép đường có số đo là 2,70m. Vị trí số (7) trên sơ đồ hiện trường là vùng máu không rõ hình kích thước (0,50x0,40)m. Đo tâm vùng máu vào mép đường có số đo là 3,60m. Đo khoảng cách từ điểm cuối vết mài (5a) đến tâm vùng máu (7) có số đo là 12,50m. Đo khoảng cách từ tâm vùng máu (7) đến điểm đầu vết (5b) có số đo là 23,60m. Đo khoảng cách từ điểm đầu vết (3a) đến điểm đầu vết (3b) có số đo là 2,90m. Vị trí số (8) trên sơ đồ hiện trường là cột mốc Km 98+200 quốc lộ 37. Đo khoảng cách từ điểm đầu vết (3a) đến điểm cuối vết (6) có số đo là 1,30m. Đo khoảng cách điểm đầu vết (6) đến điểm đầu vết (5b) có số đo là 5,50m. Đo điểm đầu vết (5b) đến điểm đầu vết (5a) có số đo là 1,20m. Đo khoảng cách từ tâm trục bánh sau xe (1) đến cột mốc vị trí (8) có số đo là 7,20m.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện xác định: Khám xe ôtô biển kiểm soát 98C-084.12: Phần trước ba đờ sốc bên phải bị lõm có chiều từ trước ra sau kích thước (30x13)cm, có độ sâu 01cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 94cm. Phần nhựa màu đen phía trước bên phải bị vỡ nứt nằm rải rác có kích thước (23x15)cm. Phần ba đờ sốc phía dưới phần nhựa màu đen phía trước bên phải có vết hằn sâu kích thước (24x6)cm; điểm thấp nhất cách mặt đất 69cm. Thanh nhựa màu đen ngang trước ba đờ sốc bị gãy phần bên phải có kích thước (50x6), điểm thấp nhất cách mặt đất 61cm. Ba đờ sốc phía dưới bên phải bị bẹp méo, lõm có chiều từ trước ra sau kích thước (23x8)cm, chỗ lõm sâu nhất là 02cm, trên bề mặt có nhiều vết mài sát màu đen nằm rải rác, tróc sơn màu vàng, điểm thấp nhất cách mặt đất là 56cm. Giá đỡ phía dưới trước đầu xe có vết nứt dài 02cm. Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống phanh, đèn, còi, gương, gạt mưa

còn hiệu lực; lốp còn đủ hơi, đảm bảo. Tình trạng hàng hóa trên xe: Không. Khám xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651có các dấu vết chính sau: Phần nhựa trước chắn bùn bánh xe trước vỡ rời hoàn toàn khỏi vị trí ban đầu. Phần nhựa sau chắn bùn bánh xe trước vỡ khỏi vị trí ban đầu một khoảng không rõ hình kích thước (14,0x7,0)cm. Đầu cao su tay cầm điều khiển bên phải bị mài rách làm lộ phần nhựa màu đen bên trong. Đầu tay phanh trước có vết mài sát màu trắng kích thước (1,1x1,4)cm. Bàn để chân bên phải phía trước bị đẩy theo chiều từ sau về trước khoảng 11,0cm so với vị trí ban đầu; phần đầu của bàn để chân bị mài rách để lộ phần kim loại bên trong kích thước (1,5x1,0)cm. Đầu bàn để chân bên phải phía sau có vết mài sát màu trắng kích thước (2,5x3,0)cm. Thanh tay nắm sau của xe bị đẩy theo chiều từ sau lên trước một khoảng 20,0cm; ở cạnh phía sau của tay nắm có dính vật chất màu vàng, bên phải có kích thước (4,0x0,30)cm, bên trái có kích thước (1,0x0,4)cm. Toàn bộ hộp đèn phía sau bị vỡ hoàn toàn rời khỏi vị trí ban đầu (để lộ phần dây điện và bóng đèn) có kích thước (21,0x13,0)cm. Góc vuông trên bên phải biển số bị cong vênh theo chiều từ sau về trước một khoảng 3,0cm. Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống phanh hoạt động bình thường.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi anh Dương Văn H xác định: Gò má bên phải có vết dập rách da cơ kích thước (3x1)cm; Nửa mặt bên phải xây xát da kích thước (18x7)cm; Má trái và mép trên bên trái có vết xây xát da kích thước (8x4)cm; Mu bàn tay hai bên có nhiều vết xây xát da rải rác; Vùng bụng dưới rốn có vết xây xát da kích thước (22x3)cm; Toàn bộ mặt ngoài và mặt trước đùi phải bị xây xát da; Gối phải xây xát da kích thước (8x3)cm; Đùi trái sưng nề biến dạng, toàn bộ mặt ngoài đùi trái xây xát da; Hố bẹn trái có vết rách da cơ kích thước (20x4)cm; Toàn bộ vùng thắt lưng bị xây xát da bầm tím; Gãy cung trước xương sườn số 6, 7, 8, 9 bên phải; Rách tầng sinh môn; dập hai tinh hoàn; Gãy kín 1/3 dưới xương đùi trái; Gãy khung xương chậu.

Tại Bệnh án ngoại khoa số vào viện 136095 ngày 05/01/2017 của Bệnh viện Gxác định: Anh Nguyễn Văn C khi vào viện bị đa chấn thương, theo dõi chấn thương sọ não. Tại Bệnh án ngoại khoa số vào viện 136095 ngày 13/01/2017 của Bệnh viện G xác định: Anh Nguyễn Văn C bị nhiễm trùng vết thương vùng lưng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định trưng cầu giám định nguyên nhân chết của anh Dương Văn H, ra Quyết định trưng cầu giám định

tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của anh Nguyễn Văn C và ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651 theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số: 157/KL-PC54 ngày 28/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Anh Dương Văn H bị tai nạn giao thông gây đa chấn thương; chấn thương vùng chậu đùi rách tầng sinh môn, dập hai tinh hoàn, gãy khung xương chậu, gãy kín 1 xương đùi, chấn thương ngực gãy nhiều xương sườn, sốc đa chấn thương dẫn đến chết.

Ngày 24/02/2017, anh Nguyễn Văn C đã có đơn xin từ chối giám định sức khỏe, việc anh C viết đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, nên không có căn cứ để xác định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của anh Cường.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-ĐG ngày 19/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream, biển kiểm soát 20P1-0651, bị thiệt hại trị giá 590.000 đồng (Năm trăm chin mươi nghìn đồng).

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y, lời khai của bị can Bùi Duy Thanh Đ và các tài liệu Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã xác định được nguyên nhân của vụ tại nạn giao thông là do Bùi Duy Thanh Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98C-084.12 thực hiện không đúng các quy tắc giao thông đường bộ, không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với phương tiện đi liền trước dẫn đến đâm vào phía sau xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651 đi phía trước cùng chiều, hành vi của Đ là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại về tính mạng của anh Dương Văn H như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Dương Văn B là đại diện hợp pháp của người bị hại (anh Dương Văn H) yêu cầu bị can Bùi Duy Thanh Đ phải bồi thường tổng số tiền 600.459.562đ (sáu trăm triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể như sau: Tiền mai tang phí 71.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần cho 06 người 150.000.000đ, tiền cấp dưỡng nuôi con nhỏ đến khi đủ 18 tuổi 360.000.000đ, tiền xe mô tô bị hư hỏng 3.000.000đ, tiền điện thoại của anh Hbị mất 3.000.000đ, tiền chi phí đưa anh H đi bệnh viện điều trị trước khi tử vong 3.459.562đ. Đối với thiệt hại của xe ô tô 98C-084.12 do tai nạn

giao thông gây ra ngày 22/12/2016, chị Bùi Thị Duy L, Hợp tác xã vận tải Bắc Giang và Ngân hàng VP Bank chi nhánh Bắc Giang không yêu cầu bị can Đ phải bồi thường. Bị can Bùi Duy Thanh Đ đã tự nguyện bồi thường cho gia đình anh Dương Văn H số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Ông Dương Văn B yêu cầu bị can Đ tiếp tục bồi thường số tiền 490.459.562đ. Tại Cơ quan điều tra, bị can Bùi Duy Thanh Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông:

- Xe ô tô biển kiểm soát 98C-084.12, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị Duy L quản lý, sử dụng. Chị Lkhông có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị can Bùi Duy Thanh Đ .

- Xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Dương Văn B - đại diện hợp pháp của người bị hại quản lý, sử dụng. Ông B yêu cầu bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phải bồi thường thiệt hại của xe mô tô số tiền 3.000.000đ.

Vật chứng: 01 Giấy phép lái xe số 360076361217 mang tên Bùi Duy Thanh Đ hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện P chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 79/ CT-VKS ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố Bùi Duy Thanh Đ về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng: khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Duy Thanh Đ từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và các Điều584, 585, 591của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 03 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao:

Buộc bị cáo phải bồi thường (Chi phí cứu chữa; Chi phí mai táng phí; Chi phí sửa phương tiện) như hai bên đã thống nhất tại phiên toà.

- Tiền cấp dưỡng từ 600.000đ đến 800.000đ/ tháng.
- Tiền tổn thất tinh thần từ 10 đến 12 tháng lương tối thiểu.
- Bồi thường cho anh C là 13.000.000đ.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường thoả đáng các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cở sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Người đại diện hợp pháp cho bị hại.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Duy Thanh Đ tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện, khách quan. Vì, lời khai đó của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, kết luận giám định pháp y, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra…Trên cơ sở đó, vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo như cáo trạng đã truy tố và đưa ra những căn cứ pháp lý về hướng xử lý đối với vụ án, như: Tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và án phí vụ án. Hội đồng xét xử, xác định những đề nghị nêu trên của Kiểm sát viên về cơ bản là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần xem xét lại về biện pháp cải tạo đối với bị cáo. Bởi lẽ:

Về tội danh: Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định, vào Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/12/2016, Bùi Duy Thanh Đ (có giấy phép lái xe Hạng A2, E theo quy định) một mình điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 98C-084.12 (trên xe không có hàng hóa) đi trên Quốc lộ 37 theo hướng Thái Nguyên - Bắc Giang. Khi đi đến Km 98+300 Quốc lộ 37, thuộc khu vực phố Ch, xã Kh, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Đ điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 50km/h, do thực hiện không đúng các quy tắc giao thông đường bộ, không chú ý quan sát, không giữ

khoảng cách an toàn đối với xe đi liền trước xe của mình, dẫn đến xe ô tô do Đ điều khiển đã đâm va vào phía sau xe mô tô biển kiểm soát 20P1-0651 do anh Dương Văn H điều khiển chở phía sau là anh Nguyễn Văn C đi cùng chiều làm anh H ngã đổ ra đường gây đa chấn thương, chấn thương vùng chậu đùi rách tầng sinh môn, dập hai tinh hoàn, gãy khung xương chậu, gãy kín 1 xương đùi, chấn thương ngực gãy nhiều xương sườn, sốc đa chấn thương dẫn đến chết. Hành vi đó của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ. Với hành vi và hậu quả như trên thì đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Bùi Duy Thanh Đ đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" và phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Nội dung Điều 12 của Luật giao thông đường bộ qui định:

"Điều 12. ...khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, ...phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình...".

Nội dung Điều 202 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ, tài sản của người khác thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. …"

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn và sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi tội phạm của mình; Bị cáo cùng với gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 110.000.000đ; Bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và được xác nhận. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà có thể áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Bùi Duy Thanh Đ được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm giữa bị cáo và Người đại diện hợp pháp của bị hại không thỏa thuận được với nhau về giải quyết phần dân sự, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự và các Điều584, 585, 591của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 03/ 2006/ NQ-HĐTP ngày 08 tháng 07 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để giải quyết việc bồi thường thiệt hại như sau:

Căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, lời trình bầy của các bên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy những khoản thiệt hại được chấp nhận gồm:

- Tiền viện phí (Có hoá đơn chứng từ) là: 3.459.000đ.

- Tiền thiệt hại về xe của nạn nhân bị hỏng là: 3.000.000đ

- Tiền mai táng phí (Gồm tiền mua áo quan, các đồ phục vụ cho việc khâm niệm, tiền chôn cất) là: 20.000.000đ

- Tiền xe đưa nạn nhân đi cấp cứu là: 5.000.000đ

- Tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi (được xác định tương ứng với mức 800.000đ/ tháng) và tính tổng thành tiền là: 134.400.000đ

- Tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 30 tháng lương tối thiểu là: 39.000.000đ.

- Tiền điện thoại bị hỏng là: 3.000.000đ.

Tổng các khoản thiệt hại nêu trên là: 207.859.000đ

Do bị cáo Bùi Duy Thanh Đ cùng với gia đình đã bồi thường trước cho gia đình bị hại được khoản tiền 110.000.000đ, do đó được khấu trừ vào tổng các khoản mà bị cáo có trách nhiệm bồi thường, được xác định như sau: 207.859.000đ - 110.000.000đ = 97.859.000đ. Như vậy, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho Người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền là 97.859.000đ (Chín mươi bẩy triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Đối với người bị hại là anh Nguyễn Văn C, tại phiên toà anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm thiệt hại về chiếc điện thoại iphone 5S trị giá 7.000.000đ; tiền thuốc 1.000.000đ; tiền bồi dưỡng sức khoẻ là 5.000.000đ. Tổng các khoản là 13.000.000đ. Anh C có ý kiến đề nghị Toà xử theo pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu nêu trên của anh C là có căn cứ và được chấp nhận.

Hội đồng xét xử cần áp dụng biện pháp đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự và thông báo việc thi hành bản án và thời hiệu thi hành án theo Điều 2, Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đối với người có quyền lợi liên quan là chị Bùi Thị Duy L. Hội đồng xét xử thấy chị L không có yêu cầu gì, do đó hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số: 360076361217 mang tên Bùi Duy Thanh Đ cho bị cáo là người quản lý và sử dụng.

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm (có giá ngạch): Buộc bị cáo Bùi Duy Thanh Đphải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và 5.542.000đ án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch) nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 6 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thông báo cho bị cáo, Người đại diện hợp pháp cho bị hại, Người có quyền lợi liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Duy Thanh Đ, xử phạt:

Bùi Duy Thanh Đ **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 11 tháng 8 năm 2017).

Giao bị cáo Bùi Duy Thanh Đ cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự (Bồi thường thiệt hại): Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và các 357; Điều 584; 585; 591của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phải bồi thường thiệt hại cho Người đại diện hợp pháp của bị hại (là Bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị L và ông Dương Văn B) với tổng các khoản thiệt hại (Gồm: Tiền thiệt hại về phương tiện, tiền mai táng phí, tiền cấp dưỡng, tiền tổn thất tinh thần) được xác định thành tiền là: 207.859.000đ, được trừ đi khoản tiền mà bị cáo cùng với gia đình đã bồi thường trước là 110.000.000đ), số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp là: 97.859.000đ (Chín mươi bẩy triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn C các khoản thiệt hại (gồm: Chiếc điện thoại iphone 5S trị giá 7.000.000đ; tiền thuốc 1.000.000đ; tiền bồi dưỡng sức khoẻ là 5.000.000đ). Tổng các khoản là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Bùi Duy Thanh Đ: 01 (Một) giấy phép lái xe số: 360076361217 mang tên Bùi Duy Thanh Đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/ 7/ 2017 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

4. Án phí hình sự và dân sự (có giá ngạch) sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 6 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Duy Thanh Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.542.000đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch), nộp sung quỹ Nhà nước.

Án xét xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo Bùi Duy Thanh Đ; Người đại diện hợp pháp của người bị hại (Bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị Lvà ông Dương Văn B); Người bị hại (anh Nguyễn Văn C); Người có quyền lợi liên quan (chị Bùi Thị Duy L). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ích Yên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);*
- *VKS ND huyện P (02 bản);*
- *Công an huyện P (02 bản);*
- *T.H.A DS huyện P (01 bản;)*
- *Bị cáo; ĐDHPBH; NCQLLQ;.*
- *Lưu: HS, VP, T.H.A HS.*